

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019/DS-ST

Ngày 22 -10 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lập.

2. Phạm Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Ngọc Mạnh L.

Nơi cư trú: Tổ 3B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH.

Cùng địa chỉ: Thôn Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K- Chức vụ: Phó trưởng phòng, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền số 1528/QĐ-UBND ngày 16/7/2019). Vắng mặt.

3.2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Giám đốc. Có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Long Thị Hồng H.

Địa chỉ: Thôn Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người Làm chứng: Anh Long Trọng H, chị Long Thị Thanh H, bà Long Thị V, bà Long Thị B, ông Lý Xuân Q, ông Cổ Xuân T, anh Long Trọng T.

Cùng cư trú tại: Thôn Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Gia đình ông N, bà H có 01 khu đất vườn rừng khai phá, sử dụng từ những năm 1984 đến nay, diện tích $16.550m^2$, trên khu đất này gia đình ông N đã trồng cây Xoan, Mỡ và một số cây ngắn ngày khác như Ngô, Khoai, Sắn... Năm 2001 gia đình có san gạt thành một nền nhà trên khu đất đó. Năm 2008 con gái ông N là chị Huệ đã làm nhà trên diện tích đất đã san gạt từ năm 2001. Năm 2009 nhà nước tiến hành đo đạc lại và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho gia đình ông N, bà H với diện tích $16.520,0m^2$ tại GCNQSDĐ số AG 394338 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai (viết tắt là UBND) cấp ngày 16/7/2009. Mục đích sử dụng: Rừng trồng sản xuất (R.T.S). Tháng 3/2017, nhà nước có chính sách đo đạc lại đất thổ cư trên địa bàn xã T thì phát hiện một phần đất của gia đình ông N $3.000m^2$ bị cấp nhầm vào GCNQSDĐ số AG 349341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH ngày 16/7/2009. Sau khi phát hiện đất nhà ông N bị cấp nhầm vào GCNQSDĐ của hộ ông H2, bà Thỏa. Ông H2, bà Thỏa đã chặt phá cây trồng trên đất của ông N đem bán và rào lại không cho con ông N là chị Long Thị Hồng H vào nhà. Sự việc trên ông N đã có đơn gửi UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giải quyết. UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Hiện tại ông H2 đã trồng một số cây như cây quế, cây sắn... trên diện tích đất mà ông H2 đã chặt cây của ông N (ước tính diện tích $750m^2$, diện tích này nằm trong diện tích đất đã được xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019). Nay ông N có đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết:

- Tuyên hủy toàn bộ GCNQSDĐ số AG 349341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH ngày 16/7/2009; Diện tích 11.323,0m². Mục đích sử dụng: Rừng trồng sản xuất (R.T.S); thời hạn sử dụng đất từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2051.

- Buộc ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH phải chấm dứt hành vi lấn chiếm, di chuyển toàn bộ số cây đã trồng trên diện tích đất đang tranh chấp, trả lại diện tích đất là 1.035,6m² (theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019) cho gia đình ông N.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Nhưng bị đơn đã không có văn bản ghi ý kiến của mình, Trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND huyện B, tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau:

1. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp:

+ Năm 2001:

- Hộ ông Long Đức N được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai giao 12.000m² đất thuộc lô 44, KH2h 7, tiểu khu 342, sử dụng vào mục đích RTP, thời hạn sử dụng 50 năm tại Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 09/11/2001.

- Hộ ông Nguyễn Văn H2 được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai giao 10.000m² đất thuộc lô 31, KH2h 7, tiểu khu 342; 15.000m² đất thuộc lô 43, KH2h 7, tiểu khu 342 sử dụng vào mục đích RTP, thời hạn sử dụng 50 năm tại Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 09/11/2001.

+ Năm 2006: UBND huyện B đã tiến hành cấp lại GCNQSDĐ cho Hộ ông N, Ông H2 tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 cụ thể:

- Hộ ông Long Đức N được cấp lại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 02, diện tích 16.520,0m² mục đích sử dụng đất là rừng trồng sản xuất, được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy H00296 cấp ngày 16/7/2009.

- Hộ ông Nguyễn Văn H2 được cấp lại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02, diện tích 11.323,0m² mục đích sử dụng đất là rừng trồng sản xuất, được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AG 394341 cấp ngày 16/7/2009.

Lý do có sự sai sót về tọa độ in trên GCNQSDĐ và tọa độ thực tế trên thực địa của các hộ gia đình tại Bản M, xã T, huyện B: Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lào Cai đã có văn bản số 769/STNMT-CCĐĐ ngày 24/4/2019 về việc tọa độ cấp đất lâm nghiệp tại Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Quan điểm của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai: Theo ý kiến của người dân cũng như chính quyền địa phương trực tiếp quản lý thì gia đình ông N vẫn sử dụng ổn định từ trước đến nay. Việc tranh chấp xảy ra sau khi thực hiện dự án đo đạc chỉnh lý thì ông H2 mới biết đất của nhà ông N nằm trong GCNQSDĐ đã

cấp cho ông. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau: GCNQSDĐ số AG 349341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH ngày 16/7/2009 đang được ông H2, bà Thỏa thế chấp để vay vốn Agribank chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai bằng Hợp đồng thế chấp số 7283/HĐTC ngày 01/10/2005, đến thời điểm hiện tại Hợp đồng vẫn còn hiệu lực do hộ gia đình vẫn còn nợ Agribank chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai. Quan điểm của Ngân hàng là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng: Anh Long Trọng H, chị Long Thị Thanh H, bà Long Thị V, bà Long Thị B, ông Lý Xuân Q, ông Cổ Xuân T, anh Long Trọng T đều khai: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình ông N và gia đình ông H2 là do ông N sử dụng ổn định từ năm 1982-1984, năm 2008-2009 chị Huệ con gái ông N có làm nhà trên diện tích đất đó, năm 2017 nhà nước đo đạc lại thì mới phát hiện diện tích đất đó nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ông H2.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng diện tích đất đang tranh chấp là 1.035,6m² có tứ cận như sau: Phía Bắc chiều dài 33,7m giáp đường quốc lộ 279 từ B đi Hà Giang; phía Đông chiều dài 32,03m giáp đất của ông N đang quản lý sử dụng; phía Nam chiều dài 21,1m giáp đất đồi của ông N đang quản lý sử dụng; phía Tây chiều dài 44,79m giáp đất của ông Nguyễn Văn H2. Toàn bộ diện tích đất nêu trên nằm trong thửa đất số 408, tờ bản đồ số 2 đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ số AG 394341 ngày 16/7/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH.

Hiện trạng trên đất có: 01 căn nhà 03 gian cột gỗ, tường trát toocxi, mái lợp cọ, diện tích 56m²; 01 bếp xây mái lợp pro xi măng, diện tích 25m² và hệ thống công trình phụ xây, mái lợp proxi măng. Những tài sản này là của chị Long Thị Hồng H hiện đang quản lý và sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân **theo** pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 164, 166, 169 Bộ luật dân sự; Điều 106 Luật đất đai; điểm b, KH2 2 Điều 193

Luật tổ tụng hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H, tuyên hủy GCNQSDĐ số AG 394341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/7/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH, diện tích 11,323m² mục đích sử dụng RTS, thời hạn sử dụng từ tháng 11/2001 đến tháng 11/2051. Buộc ông H2 và bà Thỏa chấm dứt hành vi lấn chiếm, cản trở việc sử dụng diện tích đất theo biên bản thẩm định là 1.035,6m² của gia đình ông N. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy định tại KH2 9 Điều 26; Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; KH2 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 12/TB-TLVA ngày 14/6/2019 và đã triệu tập họp lệ bị đơn nhiều lần, nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi Tòa án. Tòa án đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, lần thứ nhất tất cả các đương sự đều vắng mặt, lần thứ hai chỉ có đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được.

[3] Ngày 17/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS và ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 03/10/2019, nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì gia đình ông N sử dụng ổn định từ năm 1984, năm 2001 gia đình có san gạt thành một nền nhà trên diện tích đất đang tranh chấp. Năm 2008 con gái ông N là chị Huệ đã làm nhà và sinh sống trên diện tích đất đó. Năm 2017 ông H2 mới biết đất của nhà ông N đang sử dụng được cấp trong GCNQSDĐ của gia đình ông và phát sinh tranh chấp.

[5] Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2001 đến năm 2017, hộ gia đình ông N, ông H2 không có tranh chấp gì và đã được UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp, thu hồi và cấp lại GCNQSDĐ như sau: Ngày 09/11/2001 UBND huyện B, tỉnh Lào Cai ban hành quyết định số 658/QĐ-UB về việc giao đất và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho 143 hộ gia đình tại xã T, huyện B, hộ ông N được giao 12.000m² đất thuộc lô 44, KH2h 7, tiểu khu 342, sử dụng vào mục đích RTP, thời hạn sử dụng 50 năm. Hộ ông H2 được giao 10.000m² đất thuộc lô 31, KH2h 7, tiểu khu 342; 15.000m² đất thuộc lô 43, KH2h 7, tiểu khu 342 sử dụng vào mục đích RTP, thời hạn sử dụng 50 năm. Ngày 19/01/2006 UBND huyện B, tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ lâm nghiệp của 312 hộ gia đình tại xã T, huyện B, trong đó có hộ gia đình ông N, ông H2. Lý do thu hồi: Cấp đổi lại GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân. Cùng ngày 19/01/2006, UBND huyện B, tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND về việc cấp lại GCNQSDĐ lâm nghiệp. Theo Quyết định nêu trên thì hộ ông N được cấp lại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 02, diện tích 16.520,0m² mục đích sử dụng đất là rừng trồng sản xuất, được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy H00296 cấp ngày 16/7/2009. Hộ ông H2 được cấp lại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02, diện tích 11.323,0m² mục đích sử dụng đất là rừng trồng sản xuất, được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AG 394341 cấp ngày 16/7/2009. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định diện tích đất đang tranh chấp là 1.035,6m² (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019) là của gia đình ông N bà H quản lý và sử dụng từ những năm 1984 đến nay.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Long Đức N, bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ GCNQSDĐ số AG 349341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH ngày 16/7/2009; Diện tích 11.323,0m². Mục đích sử dụng: Rừng trồng sản xuất (R.T.S); thời hạn sử dụng đất từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2051. Hội đồng xét xử nhận thấy: Về trình tự thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại GCNQSDĐ đối với hộ ông H2 bà Thỏa, UBND huyện B, tỉnh Lào Cai đã thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành về thẩm quyền, đối tượng được cấp đất. Tuy nhiên trong quá trình đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính đang được thực hiện trên địa bàn xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (theo dự án tổng thể) đơn vị thi công (VIETMAP) đã phát hiện ra sự sai khác về tọa độ in trên GCNQSDĐ và tọa độ thực tế trên thực địa của các hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình ông N bà H và hộ ông H2 bà Thỏa. Lý do của sự sai khác này là do bản đồ địa chính được đo vẽ ở tỷ lệ nhỏ (tỷ lệ 1/10.000) nên một số trường hợp còn chưa đo vẽ chi tiết đến từng thửa đất.

[7] Từ những phân tích trên đây, Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông N bà H là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 105, 107, 158, 164, 166, 169 Bộ luật dân sự; Điều 99, 100, 203 Luật đất đai; Điều 34, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32, 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H.

- Buộc ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH phải phá dỡ toàn bộ số cây đang trồng trên diện tích đất 1.035,6m² và trả lại diện tích đất này cho hộ ông N và bà H. Đất có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc chiều dài 33,7m giáp đường quốc lộ 279 từ B đi Hà Giang.

+ Phía Đông chiều dài 32,03m giáp đất của ông N đang quản lý sử dụng.

+ Phía Nam chiều dài 21,1m giáp đất đồi của ông N đang quản lý sử dụng.

+ Phía Tây chiều dài 44,79m giáp đất của ông Nguyễn Văn H2.

(Có sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo và đây là phần không thể tách rời của bản án).

Hiện trạng trên đất có: 01 căn nhà 03 gian cột gỗ, tường trát toocxi, mái lợp cọ, diện tích 56m²; 01 bếp xây mái lợp pro xi măng, diện tích 25m² và hệ thống công trình phụ xây, mái lợp pro xi măng. Tất cả tài sản trên đất là của chị Long Thị Hồng H hiện đang quản lý và sử dụng.

- Hủy Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 19/01/2006 của UBND huyện B về việc cấp lại GCNQSDĐ lâm nghiệp đối với phần cấp lại cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH; Diện tích 11.323,0m². Mục đích sử dụng: Rừng trồng sản xuất (R.T.S); thời hạn sử dụng đất từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2051.

- Hủy GCNQSDĐ số AG 349341 do UBND huyện B, tỉnh Lào Cai cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H2, bà Bùi Thị TH ngày 16/7/2009; Diện tích 11.323,0m². Mục đích sử dụng: Rừng trồng sản xuất (R.T.S); thời hạn sử dụng đất từ tháng 11/2011 đến tháng 11/2051.

- Buộc UBND huyện B, tỉnh Lào Cai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Thị TH phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Long Đức N và bà Đỗ Thị H 300.000 đồng *(ba trăm nghìn*

đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2010/0000455 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Lập

Phạm Duy Cường

Phạm Ngọc Toàn